

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2019/DS-ST

Ngày: 10-9-2019

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản và góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản và góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2089/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1969; địa chỉ: 48/2 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B1 (Tên thường gọi: BT), sinh năm: 1962; địa chỉ: 131/2 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trịnh Minh E, sinh năm: 1975; địa chỉ: 131/2 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2019, bản khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

1. Về nợ vay: Vào ngày 16/11/2017 âm lịch bà có cho bà Nguyễn Thị B1 (tên thường gọi BT) vay số tiền 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 16/5/2018 âm lịch sẽ trả lại, tuy nhiên bà B1 không thực hiện đúng lời hứa. Bà B1 có viết biên nhận cho bà và bà đã cung cấp biên nhận này cho tòa. Bà và bà B1 thỏa thuận miệng với nhau lãi suất cho vay là 4%/tháng, việc thỏa thuận lãi suất không có ghi vào

biên nhận tuy nhiên từ lúc vay cho đến nay bà B1 chưa đóng bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị B1 phải trả số tiền vay là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 17/5/2018 âm lịch tương ứng là ngày 30/6/2018 dương lịch cho đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng.

2. Về nợ hụi: Bà B1 có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ hụi, bà B1 đã hốt hụi và bà đã giao tiền hụi đầy đủ cho bà B1 khi tất cả các dây hụi đều đã kết thúc. Dây hụi cuối cùng kết thúc vào 08/4/2018 âm lịch, hai bên đã tổng kết số tiền hụi mà bà B1 phải có nghĩa vụ đóng hụi chết là 730.000.000 đồng, bà B1 hứa hẹn mỗi tháng sẽ trả 10.000.000 đồng. Tuy nhiên từ tháng 04/2018 âm lịch cho đến nay bà B1 chưa trả bất kỳ khoản tiền hụi nào cho bà. Sau đó khi bà nhiều lần yêu cầu bà B1 trả tiền thì vào ngày 01/01/2019 âm lịch bà B1 tự viết Biên nhận đưa cho bà. Trong nội dung biên nhận bà B1 có tự thừa nhận nợ bà số tiền hụi 730.000.000 đồng. Đồng thời trong nội dung biên nhận này bà B1 có ghi bà B1 chơi hụi giùm bà Nguyễn Thị Diệp, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Sa, Nguyễn Thị Vẹn và khi nào lấy được tiền của bà Nguyễn Thị Diệp, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Sa, Nguyễn Thị Vẹn thì trả tiền hụi cho bà nhưng bà không đồng ý việc này. Bà không biết gì về việc bà B1 chơi hụi giùm cho những người nêu trên.

Bà B1 trực tiếp tham gia hụi, khui hụi, đóng tiền hụi cho bà, nhận tiền hốt hụi do bà giao nên bà B1 phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà, bà không đồng ý việc bà B1 đợi lấy được tiền của bà Diệp, bà Sa, bà Kẹt, bà Vẹn thì trả lại cho bà. Nay bà xác định bà Nguyễn Thị Diệp, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Sa, Nguyễn Thị Vẹn không liên quan gì đến việc tham gia chơi hụi giữa bà và bà B1 như bà B1 trình bày. Việc bà B1 viết biên nhận có nội dung này là để viện lý do để không trả tiền hụi cho bà. Do giữa bà và bà B1 đã thống nhất số tiền hụi chết mà bà B1 phải có nghĩa vụ trả cho bà nên các giấy tờ về việc chơi hụi bà không còn lưu giữ nên không cung cấp cho tòa được.

Nội dung dòng chữ trong Tờ biên nhận đề ngày 01/01/2019: “ ..khi nào bà Đặng Thị Vân và Phan Văn Lánh nếu bán đất được tôi sẽ trả hoặc...” là do bà viết thêm vào vì bà được biết bà Đặng Thị Vân và ông Phan Văn Lánh có nợ tiền bà B1 và phải có nghĩa vụ thi hành án cho bà B1 nên bà có yêu cầu bà B1 trả tiền hụi cho bà nhưng bà B1 nói lấy được tiền sẽ trả, tuy nhiên sau đó bà B1 cũng không trả tiền hụi cho bà.

Nay bà yêu cầu bà B1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi 730.000.000 đồng và xin rút yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 02/01/2019 âm lịch cho đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng. Đồng thời bà xác định bà chỉ yêu cầu nghĩa vụ bà B1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay và nợ hụi cho bà như trình bày ở trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông Trịnh Minh E cùng với bà B1 phải trả tiền hụi và tiền vay cho bà.

Theo nội dung bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B1 trình bày:

- Về nợ vay: bà thừa nhận bà có vay của bà B số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 16/11/2017 âm lịch, bà có viết biên nhận cho bà B và hứa đến ngày 16/5/2019

âm lịch sẽ trả nhưng đến nay chưa trả được vì đang gặp khó khăn về kinh tế. Bà vay số tiền này thuộc trách nhiệm cá nhân của bà, không liên quan đến ông Trịnh Minh Em. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, bà có đóng lãi được 21.000.000 đồng cho bà B. Nay bà B yêu cầu bà phải trả số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 17/5/2018 âm lịch cho đến ngày tòa án xét xử hôm nay với mức lãi suất 0,83%/tháng thì bà đồng ý. Bà không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả cho bà B.

- Về nợ hụi: bà có tham gia nhiều dây hụi do bà B làm chủ hụi, dây hụi đầu tiên chơi vào khoảng 05/2016 âm lịch, tuy nhiên đến ngày 02/11/2017 âm lịch bà B tuyên bố ngừng hụi, không tổ chức khai hụi nữa. Tuy nhiên tất cả các dây hụi mà bà tham gia bà đều đã hốt hụi (gọi là hụi chết) trước thời điểm bà B tuyên bố ngừng hụi, kể từ ngày bà B tuyên bố ngừng hụi bà có đóng tiền hụi chết cho bà B, thực hiện đóng tiền hụi chết cho đến ngày 01/01/2019 âm lịch. Hai bên thống nhất nên bà có viết biên nhận cho bà B, xác định số tiền hụi mà bà nợ bà B là 730.000.000 đồng. Các giấy tờ về việc chơi hụi, cũng như thời điểm mở hụi của từng dây hụi, loại hụi, số tiền đã hốt hụi, số lượng hụi viên và thời gian kết thúc hụi của từng dây hụi cụ thể bà không nhớ nên không cung cấp cho tòa được. Khi bà B tuyên bố ngừng hụi thì có nghĩa là không tiếp tục khai hụi, không gom tiền hụi sống, hụi viên nào là hụi chết (tức là đã hốt hụi) thì phải có trách nhiệm phải đóng tiền cho bà B. Do bà B ngừng hụi nửa chừng chứ thực tế các dây hụi phải mãn (tức kết thúc hụi) vào cuối năm 2019 âm lịch. Bà B đã đồng ý là khi nào bà kiện được bà Nguyễn Thị Sa, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Thị Điệp và lấy được tiền thì bà sẽ đóng tiền hụi chết cho bà B. Vì thực tế là bà chơi hụi giùm bà Nguyễn Thị Sa, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Thị Điệp. Tuy nhiên bà là người trực tiếp tham gia chơi hụi do bà B làm chủ hụi, hàng tháng khi tham gia khai hụi bà là người trực tiếp khai, nhận tiền hụi do bà B giao khi hốt hụi và bà cũng là người đóng tiền hụi chết cho bà B, chỉ khi nhận tiền hốt hụi rồi thì bà mới giao lại cho bà Sa, bà Kẹt, bà Vẹn, bà Điệp. Việc bà chơi hụi giùm bà Sa, bà Kẹt, bà Vẹn, bà Điệp bà B biết nhưng vì có mâu thuẫn với 04 người này nên bà B không cho hốt hụi.

Bà thừa nhận có nợ bà B 730.000.000 đồng tiền hụi chết và đồng ý việc bà B rút yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên việc bà B kiện yêu cầu bà trả một lần số tiền này thì bà không đồng ý vì trong nội dung biên nhận ngày 01/01/2019 bà có thể hiện nội dung khi nào bà kiện được bà Nguyễn Thị Sa, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Thị Điệp và lấy được tiền của những người này sẽ đóng tiền hụi chết cho bà B. Bà B đồng ý nên bà mới viết biên nhận cho bà B. Bà không yêu cầu tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Sa, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Thị Điệp vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì những người bà chơi hụi giùm không nhận tiền hốt hụi trực tiếp từ bà B nên bà là người sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà B chứ không phải 04 người nêu trên.

Biên nhận ngày 01/01/2019 âm lịch mà bà B cung cấp cho Tòa là chữ viết của bà nhưng nội dung dòng chữ “*khi nào bà Đặng Thị Văn Phan Văn Lánh nếu bán đất được tôi sẽ trả hoặc*” là do bà B viết thêm vào, bà không viết. Bà không có yêu cầu gì về việc bà B có ghi thêm nội dung nêu trên vào biên nhận này, chỉ

không đồng ý về việc bà B ghi thêm là không đúng ý kiến của bà.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B1 xác định do bà đã có gặp gỡ và thỏa thuận với bà B nên nay bà xin thay đổi ý kiến là bà đồng ý trả một lần số tiền hui 730.000.000 đồng cho bà B cho nên đối với tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà B bà hoàn toàn đồng ý, cụ thể: bà đồng ý trả cho bà B số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2018 dương lịch (ngày 17/5/2018 âm lịch) cho đến ngày 10/9/2019 và đồng ý trả một lần số tiền hui 730.000.000 đồng theo phán quyết của Tòa án. Bà xác định đây là ý chí tự nguyện của bà, không bị ai ép buộc.

Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải, trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh E trình bày:

Ông không liên quan gì đến việc bà B1 vay tiền, tham gia chơi hui và nợ tiền hui của bà B nên ông không có trách nhiệm liên đới cùng bà B1 trả nợ vay và nợ hui cho bà B. Nay bà B không khởi kiện đối với ông nữa thì ông đồng ý, do không liên quan đến tranh chấp giữa bà B và bà B1 nên ông xin được vắng mặt trong các lần tòa tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án tranh chấp giữa bà B và bà B1 nêu trên, đây là sự tự nguyện của ông không bị ai ép buộc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị B1 đã tự nguyện đồng ý chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, cụ thể: bà B1 đồng ý trả cho bà B số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2018 dương lịch (ngày 17/5/2018 âm lịch) cho đến ngày 10/9/2019 và đồng ý trả một lần số tiền hui 730.000.000 đồng theo phán quyết của Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và là căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B. Đối với yêu cầu xin rút yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh E về việc liên đới trách nhiệm trả nợ vay và nợ hui cùng bà B1 và yêu cầu xin rút yêu cầu về việc tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền hui 730.000.000 đồng là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ các yêu cầu này của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về “hợp đồng vay tài sản và góp hui ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà

Nguyễn Thị B1 cư trú tại xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh E có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông Minh Em.

[3] Qua quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản và góp hụi. Hợp đồng vay tài sản và góp hụi được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị B1 trả số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2018 đến ngày 10/9/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 0.83%/tháng, cụ thể được tính như sau: $300.000.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 35.773.000 \text{ đồng}$. Như vậy cần xác định tổng số tiền nợ vay mà bà B1 nợ bà B được tính là 300.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi chậm trả là 35.773.000 đồng, tổng cộng: 335.773.000 đồng. Về nợ hụi: bà B yêu cầu bà B1 trả một lần số tiền 730.000.000 đồng. Đồng thời bà B xin rút yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh Em về việc liên đới trách nhiệm trả nợ vay và nợ hụi cùng bà B1, xin rút yêu cầu về việc tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền hụi 730.000.000 đồng Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về nợ vay: do bà B1 thừa nhận có vay và hiện còn nợ bà B số tiền 300.000.000 đồng. Nay bà B1 đồng ý trả cho bà B số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2018 đến ngày 10/9/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 0.83%/tháng, cụ thể là 35.773.000 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà B là có cơ sở chấp nhận nên cần buộc bà B1 trả cho bà B số tiền 335.773.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ hụi: bà B yêu cầu bà B1 trả một lần số tiền 730.000.000 đồng. Trong quá trình hòa giải bà B1 không đồng ý trả một lần cho bà B, bà B1 cho rằng khi nào bà B1 kiện được thì lấy tiền của những người bà chơi hụi giùm là bà Nguyễn Thị Sa, Phạm Thị Kệt, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Thị Diệp thì bà B1 sẽ trả cho bà B. Tại phiên tòa, bà B1 tự nguyện đồng ý trả một lần số tiền 730.000.000 đồng cho bà B vì đã gặp gỡ, thỏa thuận với bà B. Do bà B có yêu cầu xét xử vắng mặt và cho đến ngày tòa án mở phiên tòa bà B cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc đã thỏa thuận nội dung này với bà B1, cùng với việc các yêu cầu khởi kiện khác của bà B đã được bà B1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa mà phải ban hành bản án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào nội dung mà bà B và bà B1 trình bày thì cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh thể hiện tổng các phần hội mà bà B1 đã tham gia, loại hội, thời gian mở hội, số lượng hội viên, thời gian kết thúc của từng dây hội, số tiền hội đã góp theo qui định về việc thực hiện hợp đồng góp hội nhưng các bên đều thừa nhận số tiền hội bà B1 còn nợ bà B là 730.000.000 đồng và thống nhất xác định đây là tiền hội chết, tức là tiền hội mà hội viên đã hốt hội phải có nghĩa vụ góp hội cho chủ hội. Vì vậy có căn cứ để xác định bà B1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 730.000.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên về phương thức trả bà B yêu cầu trả một lần còn bà B1 cho rằng khi nào khởi kiện và lấy được tiền của những người bà chơi hội giùm là bà Nguyễn Thị Sa, Phạm Thị Kẹt, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Thị Điệp thì sẽ trả cho bà B. Mặt khác nội dung biên nhận là do bà B1 viết thừa nhận nợ bà B số tiền 730.000.0000 đồng và điều kiện trả, bà B không thừa nhận nội dung về điều kiện trả tiền là sự thống nhất giữa bà B1 và bà B, bà B cũng không thừa nhận việc bà B1 chơi hội giùm người khác, bà B1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà B thừa nhận và đồng ý việc bà B1 chơi hội giùm 04 người mà bà B1 đã trình bày. Đồng thời chính bà B1 cũng thừa nhận những người bà B1 chơi hội giùm không nhận tiền hốt hội trực tiếp từ bà B mà bà B1 là người sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà B chứ không phải 04 người nêu trên nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà B1 về việc khi nào bà kiện được bà Sa, bà Kẹt, bà Vẹn, bà Điệp là điều kiện để bà B1 trả tiền nợ hội cho bà B. Do B1 cũng không có yêu cầu gì về việc bà B ghi thêm nội dung biên nhận ngày 01/01/2019 nội dung “*khi nào bà Đặng Thị Vân Phan Văn Lánh nếu bán đất được tôi sẽ trả hoặc*” nên không xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B1 đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B; cụ thể: về số tiền nợ vay 335.733.000 đồng và tiền nợ hội 730.000.000 đồng, tổng cộng là 1.065.733.000 đồng bà B1 thừa nhận có nợ bà B, đồng thời bà tự nguyện đồng ý trả một lần số tiền hội 730.000.000 đồng cho bà B, bà B1 cũng không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả cho bà B trong hợp đồng vay tài sản. Xét đây là sự tự nguyện của bà B1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận nên cần buộc bà B1 có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền nợ vay và nợ hội tổng cộng là 1.065.733.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường và

[5] Xét yêu cầu xin rút yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh Em về việc liên đới trách nhiệm trả nợ vay và nợ hội cùng bà B1 và yêu cầu xin rút yêu cầu về việc tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền hội 730.000.000 đồng là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần căn cứ theo qui định tại điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ các yêu cầu này của bà B.

[6] Xét đề nghị của đại diện VKS về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do yêu cầu của bà B được chấp nhận nên bà B1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 17 Luật phí và lệ

phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Trịnh Minh E về việc yêu cầu liên đới trách nhiệm với bà Nguyễn Thị B1 trả nợ vay và nợ hội cho bà Nguyễn Thị B.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Thị B1 về việc yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền hội 730.000.000 đồng

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị B1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ vay 335.773.000.đồng (gồm: vốn gốc 300.000.000 đồng và 35.773.000 đồng tiền lãi) và tiền nợ hội là 730.000.000 đồng, tổng cộng 1.065.773.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị B1 phải chịu 43.973.190 đồng.

Bà Nguyễn Thị B được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.810.500 đồng theo biên lai thu số 0003848 ngày 04 tháng 6 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Phan Cẩm Nhung

